TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
"V/v Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân gia đình – Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết Đ hoãn phiên toà số 88/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Tây M, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Văn Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Tây M, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019, biên bản hòa giải ngày 05/7/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Đ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 30/10/2002. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau anh Đ thay đổi tính tình, không chú tâm vào nghề lái xe tải mà thường xuyên bỏ bê công việc, nhiều lần còn có hành vi đánh chị T, đem tài sản trong gia đình đi bán để chơi cờ bạc. Chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Đ

vẫn không thay đổi và mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị T gánh vác. Hiện vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Trong thời gian sống ly thân anh Đ có tìm chị T và hứa sẽ thay đổi nhưng anh Đ chỉ hứa nhưng không thay đổi. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Thu N, sinh ngày 08/02/2002, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

- Về tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn là anh Võ Văn Đ đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Giấy chứng nhận kết hôn số 211, đăng ký ngày 30/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H (Bản chính);

- Giấy khai sinh của Võ Thị Thu N (Bản sao).

Các tài liệu đã được công khai tại phiên họp ngày 05/7/2019.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn Đ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

Anh Võ Văn Đ là người bị kiện có địa chỉ tại ấp Tây M, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao L.

[2] Anh Võ Văn Đ mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2000. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 211, đăng ký ngày 30/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ H thì chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn. Như vậy có căn cứ xác Đ hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục vì vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau nữa. Về phía anh Đ là bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo của tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận Đ anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm; mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Võ Thị Thu N, sinh ngày 08/02/2002, hiện chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, hiện cháu N đang chung sống với chị T và căn cứ lời khai của cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T. Phía anh Đ lại không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy Đ tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Anh Đ không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị T không đưa ra yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T trình bày có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo Biên lai số 0006683 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Thu N, sinh ngày 08/02/2002. Anh Võ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu.

Anh Võ Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0006638 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao L;
- CC THADS H. Cao L;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Mỹ H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Trần Văn Đô